| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – E**<br>**TỈNH E** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – E**

***- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân T

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Phan Thanh L

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết V

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Nguyên Q – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – E, tỉnh E.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – E, tỉnh E tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Trường P – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – E, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Ngọc Lệ A**; Sinh năm: 2003; Số CCCD: 066303005199; Ngày cấp: 17/8/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn C, phường D, tỉnh E (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***** *Bị đơn*: Anh **Lê Văn B** – Sinh năm: 2001; Số CCCD: 052201010186; Ngày cấp: 28/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn F, xã G, tỉnh E (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Lệ A trình bày:* Chị và anh Lê Văn B có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện J, tỉnh D (Nay là xã G, tỉnh E) vào ngày 21/3/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào Thành phố K sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 chị về ở nhà ngoại của chị ở thôn C, xã M, thị xã N, tỉnh D (Nay là thôn

C, phường D, tỉnh E) để sinh con, đến giữa năm 2024 chị cùng con quay lại Thành phố K để tiếp tục sinh sống với anh B. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không lo làm ăn, chăm lo gia đình mà rượu chè bê tha, chị đã nhiều lần khuyên ngăn, cố gắng níu kéo cuộc sống hôn nhân để cùng nuôi dạy con nhưng anh B vẫn không thay đổi thậm chí còn vũ phu với chị. Mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên từ tháng 01/2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh Lê Văn B nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Anh Th, sinh ngày 21/02/2023 hiện đang được chị Nguyễn Ngọc Lệ A nuôi dưỡng. Ly hôn chị Nguyễn Ngọc Lệ A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn B đã được Tòa án nhân dân khu vực 3 – E tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn B không đến Tòa làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Toà án nhân dân khu vực 3 – E.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – E phát biểu ý kiến:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Lệ A. Cho chị Nguyễn Ngọc Lệ A được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao người con Lê Nguyễn Anh Th, sinh ngày 21/02/2023 cho chị Nguyễn Ngọc Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung**:** Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc Lệ A phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn B ở thôn F, xã G, tỉnh E. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – E.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Lệ A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị Nguyễn Ngọc Lệ A và anh Lê Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A và anh Lê Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện J, tỉnh D (Nay là xã G, tỉnh E) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 21/3/2022. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc Lệ A và anh Lê Văn B là hợp pháp. Theo chị A nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh B không lo làm ăn, chăm lo gia đình mà rượu chè bê tha và vũ phu với chị. Từ tháng 01/2025 vợ chồng đã tự chấm dứt cuộc sống chung. Toà án tiến hành xác minh mức độ mâu thuẫn được mẹ anh Lê Văn B cung cấp: Mâu thuẫn giữa vợ chồng Nguyễn Ngọc Lệ A, Lê Văn B phát sinh lúc vợ chồng sống tại TP. K, nguyên nhân mâu thuẫn là do B không làm ra tiền, kinh tế khó khăn, ngoài ra B còn ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù biết rõ chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, anh B cố ý lẩn tránh không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình điều này thể hiện anh B không có thiện chí cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Ngoài ra trong thời gian sống ly thân giữa chị A và anh B cũng không có biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Lệ A.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Anh Th, sinh ngày 21/02/2023 hiện đang được chị Nguyễn Ngọc Lệ A nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc Lệ A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th sau ly hôn. Mặc dù không có lời khai của anh B nhưng căn cứ vào lời khai của bà Hồ Thị O mẹ anh B và giấy khai sinh do chị A cung cấp đủ cơ sở xác định vợ chồng chị A và anh B có 01 người con đúng như chị A đã trình bày. Xét yêu cầu nuôi con của chị A HĐXX thấy rằng: Trong thời gian chị A và anh B không chung sống, cháu Lê Nguyễn Anh Th được chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Lê Nguyễn Anh Th phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, đến thời điểm xét xử cháu

Th chỉ mới hơn 02 tuổi 07 tháng, do đó để ổn định môi trường sống cũng như đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Lệ A giao người con Lê Nguyễn Anh Th cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Ngọc Lệ A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì những lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Lệ A. Cho chị Nguyễn Ngọc Lệ A được ly hôn với anh Lê Văn B.

2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1. Giao người con Lê Nguyễn Anh Th, sinh ngày 21/02/2023 cho chị Nguyễn Ngọc Lệ A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000745 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh E.

5/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc Lệ A và anh Lê Văn B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận**:*
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh E;
- VKSND khu vực 3 – E;
- Phòng THADS khu vực 3 – E;
- UBND xã H, huyện J, tỉnh D (nay là xã G, tỉnh E) (GCNKH số 24 ngày 21/3/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân T**